TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2026/DS-ST
Ngày:06/01/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Văn Sỹ

- Ông Đặng Nam Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly – Cán bộ Tòa án

Ngày 06.01.2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2025/QĐST – DS ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974. Địa chỉ: 3 N, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T1. Địa chỉ: D L, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền lập ngày 16/10/2025 tại Văn phòng C). Có mặt

**** Bị đơn:*** Bà Đỗ Hà T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: K P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 11/08/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Hà T2 có mối quan hệ làm ăn với nhau nên bà T2 thường xuyên mượn tiền ông T để đáo hạn ngân hàng. Đến đầu tháng 12 năm 2023, bà T2 có mượn ông T số tiền: 3.800.000.000 đồng, sau đó hẹn lần không trả. Đến ngày 15/12/2023, bà T2 viết giấy mượn tiền hẹn trả ngày 18/12/2023 hoặc theo tiến độ giải ngân của Ngân hàng A, tuy nhiên đến hạn bà T2 vẫn không trả tiền cho ông T. Sau đó ông Trung liên T3 yêu cầu bà T2 trả tiền và bà T2 đã trả được 1.000.000.000 đồng, ngày 12/01/2024 viết giấy còn nợ số tiền là: 2.800.000.000

đồng hẹn trả vào ngày 20/01/2024, tiếp tục bà T2 trả cho ông T số tiền: 169.000.000 đồng, đến ngày 10/10/2024 thì viết giấy nợ còn nợ số tiền là 2.013.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 15/10/2024. Đến nay bà T2 còn nợ ông T số tiền 1.877.000.000 đồng.

Do bà T2 không trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu bà T2 trả lại số tiền đã mượn còn nợ là:1.877.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T2 đã chuyển trả cho ông T thêm được số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Đỗ Hà T2 phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền: 1.875.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**** Tại bản trình bày ngày 10/11/2025 cũng như tại biên bản hòa giải tại Tòa án Bị đơn bà Đỗ Hà T2 trình bày:***

Tôi có mượn của ông T số tiền: 3.800.000.000 đồng, đến nay đã trả dần còn nợ lại số tiền 1.877.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả cho ông T số tiền trên nhưng hiện nay hoàn cảnh tôi khó khăn, tôi không có khả năng thanh toán một lần, tôi xin thanh toán mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nói trên. Mong anh T tạo điều kiện để tôi có thể trả hàng tháng cho đến khi hết số tiền nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T khởi kiện bị đơn bà Đỗ Hà T2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Đỗ Hà T2 cư trú tại địa chỉ: K P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ông Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Hà T2 có mối quan hệ làm ăn với nhau nên bà T2 thường xuyên mượn tiền ông T để đáo hạn ngân hàng. Ngày 15 tháng 12 năm 2023, bà T2 viết giấy mượn tiền ông T số tiền 3.800.000.000 đồng với mục đích để đáo hạn món vay tại Ngân hàng A và hẹn đến ngày 18/12/2023 sẽ trả hoặc theo tiến độ giải ngân của Ngân hàng A. Tuy nhiên, qua các đợt bà T2 mới trả được cho ông T số tiền 1.916.000.000 đồng. Đến ngày 26/02/2025 bà Đỗ Thị T4 viết giấy mượn tiền và xác nhận còn nợ ông T số tiền: 1.884.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và bị đơn bà Đỗ Hà T2 thống nhất xác nhận tính đến nay bà T2 còn nợ ông T 1.877.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được phương án trả nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Đỗ Hà T2 phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền: 1.875.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3] Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Hà T2 thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Hữu T số tiền trên nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn bà Đỗ Hà T2 đến nay không trả tiền mượn cho ông Nguyễn Hữu T là đã vi phạm Điều 463 Bộ luật dân sự, quy định " Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản…"

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"

Như vậy, có căn cứ xác định bà Đỗ Hà T2 còn nợ ông Nguyễn Hữu T số tiền: 1.875.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền như trên mà các bên đương sự thừa nhận là có căn cứ. Do đó, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu bà Đỗ Hà T2 trả số tiền: 1.875.000.000 đồng.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Đỗ Hà T2 phải chịu: 68.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn bà Nguyễn Hữu T đối với bị đơn bà Đỗ Hà T2.

Xử: Buộc bà Đỗ Hà T2 phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền: 1.875.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Hà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 68.250.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền: 34.155.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002713 ngày 02/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng.
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG THANH PHÚC